

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2018

V/v tranh chấp HNGĐ -

Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;

2. Ông Phạm Phước Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 575/2017/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 189, ấp AD, xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 189, ấp AD, xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H, anh T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AB ngày 25/9/1998. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có 03 con chung. Năm 2016, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Anh T có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay, chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên:

+ Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 01/7/1999.

+ Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 27/10/2002.

+ Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 18/8/2011.

Hiện nay, con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim B và Nguyễn Thị Kim C và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Nguyễn Thị Kim A đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh T đã được triệu tập các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. **Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Nguyễn Thanh T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ấp AD, xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị H, anh T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AB ngày 25/9/1998. Xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp, chị H yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ. Bởi vì, từ năm 2016 đến nay cuộc sống vợ chồng giữa chị H với anh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Anh T có người phụ nữ khác bên ngoài nên không còn quan tâm đến cuộc sống của chị H và các con. Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T không thể hàn gắn. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, anh T hiện đang sinh sống tại địa phương nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không gửi ý kiến về nội dung khởi kiện của chị H. Do đó xét hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị H.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 01/7/1999; Nguyễn Thị Kim B sinh ngày 27/10/2002; Nguyễn Thị Kim C,

sinh ngày 18/8/2011. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Thị Kim C và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Thị Kim A sinh ngày 01/7/1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào văn bản tự khai ngày 04/12/2017 thì cháu Nguyễn Thị Kim Hà có nguyện vọng được sống với chị H. Con chung tên Nguyễn Thị Kim C còn nhỏ và hiện nay chị H là người trực tiếp nuôi con. Do đó, giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 27/10/2002; Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 18/8/2011 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 16139 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 27/10/2002 và Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 18/8/2011 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 01/7/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 16139 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hữu Hà